

Số: 243/BC-THPT

Cao Bằng, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Về thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường, theo quy định tại
Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên nhà trường

Tên gọi: Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Bằng

2. Địa chỉ

Đường 03/10, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 02063 852 501

Trang thông tin điện tử: <https://thptthanhphocaobang.edu.vn>

Thư điện tử: c3thixa.caobang@moet.edu.vn

3. Loại hình của nhà trường; cơ quan quản lý trực tiếp

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng

Nguồn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và kinh phí cho chi thường xuyên của trường chủ yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Tiếp tục củng cố và duy trì vị thế của nhà trường là một trong những đơn vị có phong trào và chất lượng giáo dục cao của thành phố, là địa chỉ tin cậy để các bậc cha mẹ học sinh tin tưởng gửi gắm con em mình học tập, rèn luyện, góp phần xây dựng quê hương đất nước.

4.3. Mục tiêu

- Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực, nề nếp, kỷ cương; giúp mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển khả năng và tư duy sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương, đất nước, tạo được uy tín trong địa phương và trong địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Xác định quy mô phát triển nhà trường để chuẩn bị các điều kiện phục vụ cho dạy - học, đội ngũ viên chức, nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Tạo điều kiện cho đội ngũ được tham gia học tập nâng cao trình độ về chuyên môn, lý luận chính trị để chất lượng và hiệu quả giáo dục ngày càng nâng cao. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Phát huy thành quả phong trào thi đua đồng hành với các giá trị cơ bản của nhà trường:

- + Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường.
- + Phát triển được phẩm chất và năng lực của học sinh.
- + Tích cực đổi mới công tác Lãnh đạo và Quản lý.
- + Có tính sáng tạo, trung thực.
- + Chất lượng và hiệu quả cao.

- Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên bậc học Cao đẳng, Đại học hoặc đi vào cuộc sống lao động. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

- + Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường
- + Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.
- + Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.

+ Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy.

- + Xây dựng văn hóa nhà trường.
- + Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

a. Giai đoạn 1 (2024-2028)

- Có ít nhất có 50% giáo viên đạt tiêu chuẩn dạy giỏi từ cấp Trường trở lên; có 100% giáo viên đạt chuẩn loại khá trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học.

- Tỷ lệ học sinh lưu ban hàng năm không quá 2%; trong đó tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1,0%.

- Chất lượng giáo dục Hạnh kiểm:

- + Tốt - Khá: 95% trở lên.
- + Không có học sinh xếp loại hạnh kiểm Chưa đạt

- Chất lượng giáo dục Học lực:

- + Giỏi - Khá: 65% trở lên.

+ Đạt trở lên: 98%.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng hàng năm: 98% trở lên

- Tốt nghiệp THPT hàng năm: trên 99% trở lên.

- 100% đạt yêu cầu trở lên về kiểm tra thể lực theo chuẩn của Bộ GDĐT.

- Nâng cao tỉ lệ học sinh giỏi cấp tỉnh.

- Trên 90% học sinh đỗ đại học, cao đẳng, dự bị đại học.

- Duy trì trường đạt xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phần đầu nhận Bằng khen, cờ thi đua của Tỉnh.

- Rà soát các tiêu chuẩn để đăng ký thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt cấp 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1.

b. Giai đoạn 2 (2028 - 2030)

- Đảm bảo hợp lí cơ cấu giáo viên theo môn học.

- Duy trì các chỉ tiêu chất lượng giáo dục (học tập, rèn luyện, lên lớp, tốt nghiệp, đỗ đại học, cao đẳng,...).

- Rà soát các tiêu chuẩn để đăng ký thực hiện công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt cấp 3, phần đầu đáp ứng trường chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Chất lượng giáo dục bền vững được khẳng định. Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

5. Quá trình thành lập và phát triển

*** Quá trình thành lập:**

Trường THPT thành phố Cao Bằng được thành lập năm 1956, là trường cấp III đầu tiên của tỉnh Cao Bằng. Từ khi thành lập đến nay, trường đã trải qua nhiều lần đổi tên: trường cấp 3 Hoàng Đình Giông (1957- 1960), trường cấp III Cao Bằng (1960 - 1982), trường THPT thị xã Cao Bằng (1982 – 2012), trường THPT thành phố Cao Bằng (từ sau 2012).

Trường THPT thành phố Cao Bằng tọa lạc trên đường 3/10, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng, với tổng diện tích 13.161 m². Trường hiện đang sở hữu cơ sở vật chất kiên cố, từng bước hướng tới hoàn thiện. Trường có 39 phòng học, các phòng học được trang bị máy chiếu; có 01 thư viện; 01 khu nhà chức năng (4 phòng máy vi tính, 1 phòng học Tiếng Anh, 03 phòng Thí nghiệm - Lý, Hóa - Sinh); 01 sân bóng rổ; 01 nhà Truyền thống; 01 phòng họp; 01 Hội trường lớn; 01 khu nhà Hiệu bộ với 18 phòng. Khu hiệu bộ và khu nhà khối 12 có kết nối Wifi, các phòng làm việc đều có máy tính, nối mạng LAN, đầy đủ trang thiết bị làm việc... Cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng tương đối tốt nhu cầu học tập và giảng dạy của giáo viên và học sinh.

*** Quá trình phát triển:**

Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển, trường THPT thành phố Cao Bằng luôn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác quản lý và điều hành các hoạt động giáo dục; tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện tốt các cuộc vận động, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Từ 04 giáo viên dạy cấp III khi trường mới thành lập, gần 70 năm qua, đội ngũ giáo viên của trường không ngừng phát triển, lớn mạnh. Trong hoàn cảnh nào, giai đoạn nào, các thế hệ nhà giáo Nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu tự học, sáng tạo vươn lên nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ GD-ĐT. Với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước, trước những yêu cầu và thách thức của GD-ĐT trong thời đại mới, đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường không ngừng học tập, tích cực phấn đấu để ngày càng nâng cao trình độ. Đến nay, Trường THPT thành phố Cao Bằng năm học 2025 – 2026 có 77 CB, GV, NV, 100% CB, GV, NV đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 20 CBQL, giáo viên, nhân viên có trình độ thạc sĩ, nhiều giáo viên giỏi các cấp, đã có 11 nhà giáo được

vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Nhà Giáo ưu tú. Trường có tổ chức Đảng bộ gồm 70 đảng viên. Đảng bộ nhà trường liên tục đạt cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức: Đoàn thanh niên, Hội LHTN Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học. Các thế hệ giáo viên trưởng thành từ mái trường này đã và đang giữ những chức vụ quan trọng ở Trung ương, địa phương, chuyên gia cao cấp, nhà quản lý giỏi, giáo sư, tiến sĩ, kỹ sư, chuyên viên, tướng lĩnh, sỹ quan lực lượng vũ trang... Các thế hệ GV và HS Trường THPT thành phố Cao Bằng đang tô thắm thêm lá cờ truyền thống vẻ vang của nhà trường và ngành giáo dục tỉnh nhà.

Trong những năm qua, Nhà trường triển khai hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục, tích cực thi đua “Đổi mới sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với “Dạy tốt- Học tốt”, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn kết với Cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”... Trong năm học 2025 – 2026 nhà trường đã tích cực thực hiện phong trào “Toàn ngành giáo dục thi đua đổi mới sáng tạo nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước”; Qua các phong trào, chất lượng giáo dục toàn diện của trường không ngừng nâng lên. GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy,... Tỷ lệ học sinh khá, giỏi hằng năm đạt trên 70%, học sinh tốt nghiệp THPT đạt từ 98% trở lên, học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng đạt 85% - 90%. Hiện nay, HS của trường được hướng dẫn tiếp cận với nghiên cứu khoa học, qua đó phát hiện năng khiếu, khơi dậy tình yêu khoa học, giúp các em phát huy tốt năng lực của mình trên con đường học thuật, khoa học. Chất lượng giáo dục Nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực, bền vững. Trường THPT thành phố Cao Bằng thực sự đã trở thành cơ sở giáo dục tin cậy của nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, xứng đáng là cánh chim đầu đàn của ngành GD&ĐT tỉnh Cao Bằng.

Ghi nhận những thành tích và đóng góp to lớn của Nhà trường cho sự nghiệp phát triển giáo dục tỉnh Cao Bằng, Trường THPT thành phố vinh dự được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất (2013), hạng Nhì (2001) và hạng Ba (1996). Năm 2016, Trường được UBND tỉnh công nhận trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

6. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn hoặc người đại diện

Người đại diện pháp luật: Phạm Minh Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Đường 03/10, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định đổi tên trường

Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đổi tên Trường Trung học phổ thông thị xã Cao Bằng thành Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường

- Quyết định số 1850/QĐ-SGDĐT, ngày 11/10/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Cao Bằng v/v công nhận Hội đồng trường, Trường THPT thành phố Cao Bằng, nhiệm kỳ 2024 - 2029.

Các thành viên Hội đồng trường gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Minh Hương	Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Vũ Thị Phụng	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Nguyễn Cao Sơn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Trần Thị Thu Thủy	Chủ tịch Công đoàn trường	Thành viên
5	Đinh Thị Thơ	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
6	Phan Khánh Linh	Thư ký Hội đồng	Thành viên
7	Triệu Xuân Tiệp	Phó Chủ tịch phường Sông Bằng	Thành viên
8	Nông Trung Bộ	PTB đại diện cha mẹ HS	Thành viên
9	Đặng Thái Sơn	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10	Bế Thu Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
11	Đặng Thị Hiền	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
12	Long Thị Hồng Gấm	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
13	Ngôn Thị Bích	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
14	Hoàng Việt Hương	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
15	Âu Hoàng Bảo Châu	Học sinh lớp 11A1	Thành viên

- Quyết định công nhận Chủ tịch Hội đồng trường số 2227/QĐ-SGD&ĐT ngày 12/11/2024 của Giám đốc Sở GD&ĐT Cao Bằng, công nhận bà Phạm Minh Hương, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường THPT thành phố giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường, Trường THPT thành phố, nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Theo quy định tại Điều 55 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15, hội đồng trường chỉ được thành lập trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục. Vì vậy, kể từ ngày 01/01/2026, không còn hội đồng trường trong đơn vị.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 117/QĐ-SGDĐT ngày 16/01/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức: Phạm Minh Hương.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng:

+ Quyết định số 475/QĐ-SGDĐT ngày 03/4/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo về việc bổ nhiệm lại viên chức: Vũ Thị Phụng.

+ Quyết định số 117/QĐ-SGDĐT ngày 16/9/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm viên chức: Nguyễn Cao Sơn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy

* Quy chế tổ chức và hoạt động: Trường THPT thành phố Cao Bằng hoạt

động theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về Điều lệ trường THCS, THPT và trường THPT có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nay là Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có hiệu lực từ ngày 10/5/2026).

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trường được quy định tại Điều 3 Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh. Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kỹ năng sống, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vì phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng

cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin. Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

* Tổ chức bộ máy của đơn vị:

- 01 Hiệu trưởng và 02 PHT.

- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ phường Nùng Trí Cao, có 03 chi bộ trực thuộc; 70 đảng viên.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trực thuộc Đoàn phường Nùng Trí Cao.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 77, biên chế thành 07 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng.

- Tổng số học sinh năm học 2025 – 2026: 1413, biên chế thành 33 lớp, mỗi khối 11 lớp.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

Họ và tên: Phạm Minh Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0985907842

Thư điện tử: phamhuongc3tp@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Đường 03/10, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng.

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Đề án vị trí việc làm: Đề án số 16 /ĐA-THPTTP ngày 26/01/2024.
- Kế hoạch phát triển giáo dục và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 , kế hoạch tài chính 3 năm 2025-2027: số 196/KH-THPTTP ngày 03/7/2024.
- Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026: số 146/KH-THPT ngày 18/9/2025.
- Quy chế hoạt động của nhà trường; Quy chế thực hiện dân chủ tại cơ sở giáo dục; Kế hoạch thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quy tắc ứng xử văn hoá;...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Ban Giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, lập trường tư tưởng vững vàng. Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên đảm bảo về trình độ chuyên môn để cơ cấu giảng dạy các môn học. Phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say chuyên môn. Tập thể cán bộ giáo viên có tinh thần đoàn kết, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần đấu tranh phê và tự phê tốt, có tinh thần cầu tiến.

Đội ngũ nhân viên thạo việc, tự giác thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm hàng đầu công tác xây dựng chất lượng đội ngũ; Coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường theo kịp xu hướng.

Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên năm học 2025 – 2026:

- Chia theo nhóm vị trí việc làm:

STT	Nhóm vị trí	Trình độ đào tạo				Kết quả BD	
		Đạt chuẩn	Tỷ lệ	Trên chuẩn	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Quản lý	1	33,3%	2	66,7%	3/3 đạt	100%
2	Giáo viên	49/67	72%	18/67	28%	67/67	100%
3	Nhân viên	5/5	100%	1/5	20%	5/5	100%
4	LĐHĐ	2/2	100%			2/2	100%

- Cụ thể từng nhóm:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	77		20	54		1	2	02	15	0	59	11	1	
I	Cán bộ quản lý	3	3	2	1				1	1	1	2		1	

1	Hiệu trưởng	1	1	1					1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2	2	1	1			1	1	1	1	1	
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	67	67	17	50			54	13		67	0	0
1	Toán	10	10	3	7			10	0		10	0	
2	Lý	7	7	2	5			3	4		7	0	
3	Hóa	6	6	5	1			4	2		6	0	
4	Sinh	5	5	2	2			4	1		5	0	
5	Tin học	4	4	0	4			4	0		4	0	
6	Ngữ văn	10	10	2	8			7	3		10	0	
7	Sử	4	4	1	3			4	1		4	0	
8	Địa	4	4	1	3			3	1		4	0	
9	GDKT&PL	1	1	0	1			1	0		1		
10	Ngoại ngữ	8	8	1	7			8	0		8	0	
11	Công nghệ	2	2	0	2			2	0		2	0	
12	GDTC	4	4	0	4			3	1		4	0	
13	GDQP&AN	2	2	0	2			2	0		2	0	
III	Nhân viên	5			1		1	2					
1	Nhân viên văn thư	1	1		1								
2	Nhân viên kế toán	1	1		1								
3	Nhân viên y tế, thủ quỹ	1					1						
4	Nhân viên thư viện	1	1	1									
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	1	1									
IV	Lao động hợp đồng	2						2					
1	Bảo vệ	2						2					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích và các hạng mục phục vụ công tác dạy và học

- Nhà trường có tổng số diện tích là: 13.161 m², trong đó tổng diện tích sân chơi, bãi tập: 9.000 m².

- Trường có tường rào, biển trường, cổng trường. Khuôn viên nhà trường khép kín, nhiều cây xanh thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh học tập và vui chơi.

- Nhà trường có 08 khối nhà phục vụ công tác giảng dạy và học tập:

+ 03 khối lớp học với 39 phòng học kiên cố: đáp ứng đủ số lớp học của trường.

+ 01 khối nhà chức năng có 08 phòng học bộ môn: 01 phòng học bộ môn Vật lý, 01 phòng học bộ môn Hóa học, 01 phòng học bộ môn Sinh học, 04 phòng tin học, 02 phòng học tiếng Anh: số lượng phòng học bộ môn chưa đáp ứng đủ yêu cầu của nhà trường; thiết bị dạy học đã được mua sắm đối với khối 10, 12; máy tính cấu hình thấp;...

+ 01 thư viện: đã được cải tạo, mở rộng diện tích, mua sắm thiết bị, đạt thư viện chuẩn năm 2026.

+ 01 khối phòng hành chính quản trị với 16 phòng làm việc: đáp ứng đủ nhu cầu công tác của đơn vị.

+ Cơ sở vật chất khác: 01 Hội trường đã được sửa chữa, cải tạo, được trang bị thiết bị chuyên dụng, theo xu hướng hiện đại hoá. 01 nhà truyền thống đã xuống cấp đang trong giai đoạn sửa chữa, cải tạo (thực hiện trong hè 2026)

- Nhà trường chưa có sân tập thể thao cho học sinh (sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân học môn GDQP-AN...), chưa có nhà đa năng để phục vụ các hoạt động giáo dục cho học sinh.

- Đánh giá về các hạng mục được đầu tư xây dựng, sửa chữa trong năm: Năm 2024, 2025: nhà trường đã mua sắm thiết bị dạy học khối 10; 12; mua sắm thiết bị chuyên dụng trong hội trường; cải tạo, sửa chữa Khu nhà bộ môn; Hội trường; đang thực hiện quy trình cải tạo, sửa chữa nhà học khối 12 và Nhà truyền thống.

2. Sách, thư viện, thiết bị

2.1. Sách, thư viện

- Thư viện được bố trí tại tầng 1 khu nhà Chức năng gần với các khối phòng học, diện tích thư viện trên 100m² bao gồm kho và khu vực đọc.

- Thư viện có đầy đủ trang thiết bị chuyên dụng: Có giá, tủ chuyên dùng đựng sách, báo; Có bảng giới thiệu sách, bảng chỉ dẫn mượn sách bằng tự động hóa, lịch hoạt động thư viện, nội quy thư viện, nội quy phòng đọc; Có 07 máy tính kết nối mạng, 01 máy in, 01 máy quét mã vạch; Có bàn ghế đọc sách cho học sinh và giáo viên.

- Sách đảm bảo 4 loại sách: Sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, sách thiếu nhi. Hiện nay số sách có trong thư viện là 12429 cuốn sách. Đảm bảo đủ cho giáo viên và học sinh mượn.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, Thư viện đã mua sách giáo khoa, sách bài tập khối 10, 11. Số lượng, chất lượng sách được mua sắm dựa trên các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở GD&ĐT. Sách được mua sắm trích từ nguồn kinh phí của nhà nước; số lượng sách mua chỉ phục vụ công tác giảng dạy của giáo viên và lưu kho thư viện 5 cuốn theo quy định tiêu chuẩn thư viện theo thông tư 16/2022/TT-BGDĐT, chưa có đủ sách cho học sinh thuê, mượn. Sách tham khảo cho chương trình giáo dục phổ thông mới đã được mua bổ sung phục vụ cho giáo viên, học sinh tuy nhiên chưa phong phú và đa dạng; việc chuẩn bị tài nguyên thông tin phục vụ các tiết học theo chương trình giáo dục mới chưa phong phú.

- Thư viện đạt thư viện chuẩn mức độ 1.

2.2. Thiết bị

- Việc quản lý thiết bị được thực hiện theo đúng quy định: có cán bộ thiết bị quản lý, có sổ đăng ký mượn thiết bị, thường xuyên được vệ sinh, sắp xếp khoa học,...

- Việc sử dụng thiết bị phục vụ dạy học và các hoạt động thí nghiệm, thực hành được 01 nhân viên thiết bị thực hiện đảm bảo đúng nội dung chương trình.

- Phòng học bộ môn Tin học được bảo dưỡng thường xuyên máy vi tính đảm bảo cho công tác phục vụ dạy học.

- Nhà trường đã mua sắm thiết bị dạy học thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 cho lớp 10, 11. Hiện nhà trường đang tiến hành thủ tục mua sắm thiết bị dạy học lớp 12 và bổ sung thiết bị cho lớp 10.

- Khả năng khai thác trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy của giáo viên bộ môn chưa đồng đều.

- Các phòng thiết bị đã xuống cấp: đang trong quy trình thực hiện cải tạo sửa chữa.

- Hiện nhà trường được có 03 phòng học thông minh, đang được sử dụng, khai thác hiệu quả.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã phấn đấu đạt các chuẩn về: tổ chức nhà trường; chất lượng giáo dục; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; công tác xã hội hoá giáo dục.

- Các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị nhà trường tiếp tục có kế hoạch phấn đấu thực hiện trong thời gian tiếp theo.

- Năm hoàn thành: Năm 2026 tự đánh giá đạt mức 2; đăng ký đánh giá ngoài đạt chuẩn mức độ 1.

- Thuận lợi: Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo, quan tâm của lãnh đạo Sở GD&ĐT trong kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia. Một số tiêu chuẩn, tiêu chí về chất lượng dạy học, về đội ngũ, công tác xã hội hoá giáo dục đã được đảm bảo.

- Khó khăn: Cơ sở vật chất của nhà trường chỉ đáp ứng điều kiện tối thiểu.

- Các biện pháp:

+ Tiếp tục xây dựng kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia để trình cấp quản lý;

+ Rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí tiếp tục có giải pháp cải tiến, nâng cao.

+ Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

+ Tiếp tục tham mưu lên các cấp về mở rộng diện tích và xây dựng các hạng mục để nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất..

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

* Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng và Sở GD&ĐT Cao Bằng, nhà trường ra Thông báo số 158/TB-THPT ngày 14/4/2025 về tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT thành phố Cao Bằng năm học 2025 – 2026, niêm yết và thông báo rộng rãi để phụ huynh và học sinh biết.

* Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh đã tốt nghiệp THCS, GDTX cấp THCS;
- Thuộc địa bàn tuyển sinh:
 - + Học sinh thường trú (hoặc đã tạm trú và học ít nhất 3 năm học lớp 7, lớp 8, lớp 9) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;
 - + Học sinh không thuộc đối tượng quy định trên có nhu cầu đăng ký dự tuyển vào trường THPT thành phố Cao Bằng do Sở GD&ĐT Cao Bằng xem xét, quyết định.

* Phương thức tuyển sinh, thời gian thi

- Phương thức:
 - + Tuyển thẳng vào THPT thành phố Cao Bằng thuộc một trong các đối tượng sau đây:

- . Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;
- . Học sinh dân tộc rất ít người: La Ha, La Hủ, Pà Thèn, Chứt, Lự, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bó Y, Ngái, Si La, Pú Páo, Brâu, Rơ Măm, Ô Đu;
- . Học sinh Khuyết tật có đầy đủ hồ sơ;
- . Học sinh đạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa; văn nghệ; TDTT; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh THCS và THPT.

+ Thi tuyển: Học sinh không thuộc diện tuyển thẳng đều phải tham gia thi tuyển. Môn thi: Ngữ văn, Toán: Thi tự luận; Tiếng Anh: Thi tự luận + trắc nghiệm.

- Thời gian thi: Ngày 03 và 04 tháng 6 năm 2025.
- Chỉ tiêu giao: 489 học sinh; 11 lớp.
- Kết quả tuyển sinh: 484; Thiếu 05 chỉ tiêu, lí do: học sinh trúng tuyển đến nhập học nhưng đã chuyển đi học trường ngoài tỉnh; nhà trường trường đã tuyển bổ sung 01 lần.

2. Tổ chức dạy – học

Nhà trường thực hiện dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Tăng cường công tác phụ đạo kiến thức cho học sinh khối mới, bồi dưỡng học sinh khối cũ, tạo mọi điều kiện thành lập đội tuyển các bộ môn, có kế hoạch ôn tập, phụ đạo phù hợp đối tượng.

Tổ chức dạy học 02 buổi trên ngày theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Cao Bằng, sự đồng thuận nhất trí của cha mẹ học sinh và học sinh, thời gian thực hiện từ đầu năm học 2025 – 2026.

3. Kết quả đánh giá học sinh năm học 2025 – 2026

- Chất lượng giáo dục:

Năm học	Tỷ lệ lên lớp thẳng	Tỷ lệ lưu ban	Tỷ lệ học sinh bỏ học	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT
2023 - 2024	99,77%	0,077 %	0	100%
2024 - 2025	99,55%	0,45%	0	99,75%

2025 - 2026	99,57%	0,43%	0	100%
-------------	--------	-------	---	------

- Hiệu quả đào tạo:

+ Kết quả xếp loại học tập:

Năm học	Số HS	Xếp loại học tập				Tỷ lệ TN THPT	Tỷ lệ đỗ ĐH, CĐ
		Tốt	Khá	Đạt	CĐ		
2023-2024	1292 (10 HSKT không đánh giá)	19,03%	64,43%	16,3%	0,24%	100%	90%
2024-2025	1342 (6 HSKT không đánh giá)	18,86%	62,42%	18,26%	0,45%	99,75%	90%
2025-2026	1413 (5 HSKTN không đánh giá)	19,3%	61,6%	18,58%	0,43%		

+ Kết quả xếp loại rèn luyện:

Năm học	Số học sinh	Xếp loại rèn luyện			
		Tốt	Khá	Đạt	CĐ
2023-2024	1292 (10 HSKTN không đánh giá)	96,41%	3,04%	0,47%	0,08%
2024-2025	1342 (6 HSKTN không đánh giá)	95,95%	3,53%	0,45%	0,07%
2025-2026	1413 (5 HSKTN không đánh giá)	95,38%	4,55%	0,07%	0

+ Công tác đào tạo mũi nhọn:

.) Học sinh giỏi các môn văn hoá cấp Tỉnh:

Năm học	Học sinh giỏi cấp tỉnh				
	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK
2023-2024	43	2	7	13	21
2024-2025	40	1	4	16	19
2025-2026	62	6	12	22	22

.) Cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp Tỉnh:

Năm học	Tổng số giải	Nhất	Nhì	Ba	Tư
2023 - 2024	5	1	2	2	
2024 - 2025	5		2	3	
2025 - 2026	8	2	3	2	1

.) Hội thao Quốc phòng - An ninh cấp tỉnh:

Xếp thứ Ba toàn đoàn với 10 giải cá nhân và đồng đội. 01 học sinh tham gia đoàn vận động viên tham dự Hội thao QPAN toàn quốc.

+ Kết quả tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo, cuộc thi năm học 2025 – 2026:

.) Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp tỉnh năm 2025: đạt 9 giải cấp tỉnh (01 giải Nhì; 02 giải Ba, 06 giải KK); năm 2026 có 09 sản phẩm tham gia cuộc thi.

.) Cuộc thi Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng chống bạo lực học đường và phòng ngừa lao động trẻ em trái pháp luật lần thứ III năm 2026, đạt 01 giải Khuyến khích.

.) Cuộc thi Văn hoá đọc cấp tỉnh: 02 giải.

.) 01 giải Khuyến khích quốc gia Cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai

.) Giải nhất cấp Tỉnh, giải Ba khu vực phía Bắc Cuộc thi “Tuổi trẻ chung tay đẩy lùi ma túy”.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	NỘI DUNG	Dự toán			Còn trong TK tiền gửi của nhà trường
		Tồn năm 2024	Thu	Chi	
	Thu sự nghiệp năm học 2025 - 2026				
I	Học phí , cấp bù	278.094.000	2.267.700.000	1.167.771.272	1.378.022.728
1	Tiền lương			379.639.950	
2	Tiền công theo HĐ			37.461.140	
3	Phụ cấp theo lương			130.323.527	
4	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)			32.440.665	
5	Vật tư văn phòng (VPP, CCDC, vật tư VP khác			299.847.342	
6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			2.919.000	
7	Công tác phí			37.604.000	
8	Sửa chữa, mua sắm thiết bị			174.946.000	
9	Mua sắm TS phục vụ công tác CM			35.700.000	
10	Chi phí nghiệp vụ CM			36.889.648	

II	Thu học thêm năm học 2025 - 2026	10.562.144		10.562.144	0
1	Chi mua VPP,CCDC			10.562.144	
III	KP thường xuyên (NSNN cấp)	DT năm trước chuyển sang (tồn)	DT được giao (thu)	DT đã sử dụng (chi)	Kinh phí còn lại
<i>Ngân sách nhà nước cấp năm 2025</i>					
1	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ tự chịu trách nhiệm (12)		8.379.132.150	8.379.132.150	
1.1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nhà ở theo nghị định 116/CP			836.670.000	
1.2	Hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí theo 81/CP			682.236.000	
1.3	Thực hiện ND 28/CP(GV dạy Khuyết tật)			561.457.550	
1.4	TTLT số 42 (HS khuyết tật + nghèo)			33.696.000	
1.5	Tiền chế độ ban BCT tốt nghiệp THPT QG, HD tuyển sinh lớp 10			94.760.000	
1.7	Thực hiện mua trang thiết bị chuyên dùng (Hội trường)			935.600.600	
1.8	Chi phí thăm định			19.480.000	
1.9	Sửa chữa khu nhà khảo thí, Hội trường, nhà lớp học bộ môn			4.816.760.000	
2	Kinh phí thực hiện cải thiện dinh dưỡng	7.183.830		2.329.000	4.854.830
2.1	Vì chất dinh dưỡng cho học sinh			2.329.000	
3	Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm (13)		18.2657.010.000	18.265.184.212	1.825.788
3.1	Tiền lương			8.205.109.787	
3.2	Phụ cấp theo lương			5.258.060.737	
3.3	Tiền công theo HĐ			53.308.300	
3.4	Học bổng và hỗ trợ khác học sinh, sinh viên			38.290.000	
3.5	Tiền thưởng			138.996.000	
3.6	Phúc lợi tập thể			21.233.200	
3.7	Các khoản đóng góp theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)			2.404.531.602	

3.8	Các khoản thanh toán khác cho các nhân (thu nhập tăng thêm, chi khác)			258.241.200	
3.9	Thanh toán dịch vụ công cộng (Điện, nước, VSMT)			257.942.356	
3.10	Vật tư văn phòng (VPP, CCDC, vật tư VP khác)			198.442.282	
3.11	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			53.997.646	
3.12	Công tác phí			140.502.004	
3.13	Chi phí thuê mướn			106.460.376	
3.14	Sửa chữa tài sản phục vụ cho công tác chuyên môn(Nhà VS khối 12 và sửa chữa khác)			82.552.316	
3.15	Mua sắm TS phục vụ công tác chuyên môn			51.000.000	
3.16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn			910.674.786	
3.17	Chi khác (Chi hỗ trợ cho CB, GV đi học, chi tiếp khách)			41.777.620	
3.18	Chi phụ cấp cấp ủy			33.696.000	
4	Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ tự chịu trách nhiệm (15)		1.516.218.000	1.516.218.000	
4.1	Chi hỗ trợ tiền ăn, nhà ở theo nghị định 66/CP			56.070.000	
4.2	Chi giáo viên ôn thi TN			232.848.000	
4.3	Hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí theo 238/CP			1.227.300.000	
5	Nguồn kinh phí thực hiện khen thưởng theo ND 73 (18)		845.823.000	845.823.000	0
5.1	Thưởng thường xuyên			811.323.000	
5.2	Thưởng đột xuất			34.500.000	
IV	Căng tin (đấu thầu)	992.816.965		90.993.153	901.823.812
1	Chi lương và phụ cấp lương			89.993.153	
2	Nộp thuế môn bài năm 2025			1.000.000	
V	Chăm sóc sức khỏe (Năm học 2025-2026)	33.385.124	147.267.975	64.613.591	116.039.508
1	BHXH cấp		147.267.975		
2	Chi tiền công khám			50.393.591	
3	Chi ma ket tuyên truyền			7.920.000	

4	Chi mua sổ khám sức khỏe			4.555.000	
5	Chi mua thuốc phòng y tế			1.745.000	

Trên đây là Báo cáo công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2025 – 2026 của trường THPT thành phố Cao Bằng.

Nơi nhận:

- Thông báo (*niêm yết*);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.



